

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022
*(Kèm theo Quyết định số 2667/QĐ-ĐHV ngày 14 tháng 10 năm 2022
của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Vinh)*

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
84	52210030782	Nguyễn Văn Hồng	Đại số và lý thuyết số	6.0	
85	52210030787	Nguyễn Văn Tấn	Đại số và lý thuyết số	6.5	
86	52210031323	Phan Thanh Tùng	Đại số và lý thuyết số	6.5	
87	52210031335	Trần Thế Hùng	Đại số và lý thuyết số	9.0	
88	52210031882	Trần Thị Thu Hương	Đại số và lý thuyết số	9.0	
89	52210031976	Hồ Thị Thúy	Đại số và lý thuyết số	7.0	
504	52210030806	Trần Thanh Bình	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
505	52210030811	Nguyễn Thị Thùy	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
506	52210030824	Trần Thị Tuyết	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
507	52210030872	Chu Thị Thúy	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
508	52210030899	Nguyễn Văn Hoàng	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
509	52210030901	Trần Thị Vân	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
510	52210030921	Nguyễn Thị Thắm	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
511	52210030956	Nguyễn Đình Bằng Việt	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
512	52210031074	Nguyễn Phương Nam	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
513	52210031113	Bùi Anh Ngọc	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
514	52210031150	Lê Hải Nam	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
515	52210031194	Nguyễn Thị Phương Thảo	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
516	52210031245	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
517	52210031295	Hồ Thị Ngọc Vinh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
518	52210031341	Lưu Thị Quỳnh Duyên	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
519	52210031342	Cao Bích Diệp	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
520	52210031358	Nguyễn Văn Lý	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
521	52210031422	Nguyễn Trọng Long	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
522	52210031423	Nguyễn Thị Phương Thảo	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
523	52210031485	Ngô Thị Xoan	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
524	52210031498	Nguyễn Thị Thu Hà	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
525	52210031595	Nguyễn Tiến Bắc	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
526	52210031748	Nguyễn Thị Thu Hà	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
527	52210031749	Phan Bá Thảo	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
528	52210031789	Nguyễn Thị Lý	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
529	52210031796	Lê Đình Huỳnh Đức	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
530	52210031799	Đào Thị Kiểm	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
531	52210031822	Thái Thị Ngọc Ánh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
532	52210031825	Nguyễn Hoàng Kim Nguyên	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	9.0	
533	52210031886	Lưu Văn Thắng	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
534	52210031932	Phan Hoàng Trang	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
535	52210032055	Đinh Thị Quỳnh Hoa	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
536	52210032068	Bùi Thị Minh Sang	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
537	52210032091	Nguyễn Thị Hải Yến	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
538	52210032100	Trần Thị Phương	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
539	52210032101	Nguyễn Thị Hạnh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
540	52210032151	Tô Thị Mỹ Hạnh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
541	52210032195	Nguyễn Văn Tiên	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
542	52210032201	Lê Văn Hùng	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
543	52210032229	Trịnh Đức Dũng	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
544	52210032241	Phan Thị Hồng Vân	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
545	52210032282	Lê Văn Lai	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
546	52210032375	Trần Tâm	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
547	52210032379	Phan Văn Trí	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
548	52210032381	Võ Thị Kim Thủy	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
549	52210032385	Nguyễn Quốc Khánh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
550	52210032387	Nguyễn Văn Đại	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
551	52210032392	Đào Thị Hồng Dầu	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
552	52210032394	Nguyễn Hoàng Long	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	9.0	
553	52210032396	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
554	52210032402	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
555	52210032404	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	9.0	
556	52210032411	Hoàng Ngọc Công	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
557	52210032413	Lê Thị Bảo Trâm	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	8.0	
558	52210032415	Lương Thị Hồng Liên	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
559	52210032417	Nguyễn Thị Nhị	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
560	52210032419	Trần Thị Kim Thảo	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
561	52210032421	Phan Quốc Cường	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
562	52210032423	Chu Quốc Thắng	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	9.0	
563	52210032427	Nguyễn Thị Thuỷ Hương	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.5	
564	52210032428	Lê Phi Long	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	6.0	
565	52210032443	Nguyễn Thị Thanh Dung	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
566	52210032463	Thái Thị Hải Ngọc	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
567	52210032506	Bùi Thị Mỹ Linh	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	7.0	
586	52210032001	Nguyễn Thị Linh Chi	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	7.0	

TT	Mã ứng viên	Họ và tên	Ngành	Điểm xét tuyển	Ghi chú
587	52210030890	Trần Thị Lương	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	6.5	
588	52210030896	Trần Bích Phương	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	8.0	
589	52210031111	Nguyễn Thị Nhung	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	7.0	
590	52210031421	Hà Thị Hiền	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	7.0	
591	52210031599	Nguyễn Đức Tiếp	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9.0	
592	52210031652	Nguyễn Khánh Huyền	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9.0	
593	52210031862	Nguyễn Chí Bảo	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9.0	
594	52210031987	Trần Thị Thanh Nhã	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	7.0	
595	52210032074	Hoàng Lê Hồng Minh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	6.5	
596	52210032086	Trần Thị Thanh Bình	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	8.0	
597	52210032521	Kiều Khánh Linh	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	9.0	
832	52210032514	Nguyễn Thị Vân Anh	Toán giải tích	10.0	
833	52210030749	Phạm Văn Trung	Toán giải tích	7.0	
834	52210031764	Đặng Việt Dũng	Toán giải tích	7.0	
835	52210031978	Nguyễn Văn Cao	Toán giải tích	6.0	
836	52210031979	Võ Thị Ngọc Duyên	Toán giải tích	6.5	
837	52210031992	Ngô Thị Kim Phụng	Toán giải tích	6.0	
838	52210032522	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Toán giải tích	9.0	
839	52210032004	Hồ Thị Hải Yến	Toán giải tích	9.0	
840	52210031844	Bùi Thạch Thảo	Toán giải tích	8.0	
841	52210032038	Phan Hoài Linh	Toán giải tích	8.0	
842	52210032018	Nguyễn Thị Thơ	Toán giải tích	7.0	
843	52210032175	Nguyễn Đình Quyết	Toán giải tích	7.0	
844	52210032222	Nguyễn Ngọc Đạt	Toán giải tích	6.5	